

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **16/2022/DS-ST**

Ngày: 25-3-2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ

2. Bà Bùi Thị Duy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2020/TLST-DS ngày 01/10/2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Người đơn:* Nguyễn Thị Yên, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Số 106/4, ấp An Thạnh, xã An Thạnh, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Lê Thị Nghĩa, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Số 84/5, ấp AT, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Bà N ủy quyền cho ông Đinh Văn H tham gia tố tụng tại Tòa án)

3. *Người có quyền lợi và Vụ liên quan:* Ông Đinh Văn H, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Số 84/5, ấp AT, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Vào ngày 22/7/2019 âm lịch bà có cho bà Lê Thị N mượn số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, để bà N trả Ngân hàng và có hứa khi nào trả tiền xong làm thủ tục vay lại sẽ trả cho bà, nhưng cho đến nay đã quá hạn rất lâu và bà có gặp bà N yêu cầu trả tiền nhưng bà N vẫn không chịu trả tiền cho bà mà bà N cứ cho rằng bà N vay dùng tiền cho bà N (em ruột của bà N). Theo Kết luận giám định lại số 706/C09B ngày 16/02/2022 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký tại Biên nhận nợ ngày 22/7/2019 âm lịch của bà N nên nay bà

yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị N và ông Đinh Văn H có Nvụ liên đới trả cho bà số tiền gốc 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, yêu cầu trả một lần. Bà yêu cầu tính lãi từ ngày 05/8/2020 cho đến ngày xét xử 25/3/2022 với lãi suất 0,83%/tháng là 24.485.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn và lãi bà yêu cầu bà N, ông H phải liên đới trả cho bà là 174.485.000 (Một trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn) đồng.

Bà yêu cầu ông H có Nvụ liên đới với bà N trả nợ cho bà là do ông H có biết việc bà N hời vay tiền của bà và bà N, ông H đang là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã AT

Bà không có yêu cầu gì đối với bà Lê Thị N trong vụ án này nên không yêu cầu Tòa án triệu tập bà N tham gia tố tụng tại Tòa án.

Về chi phí giám định bà đã tạm nộp với số tiền 4.300.000 (Bốn triệu, ba trăm nghìn) đồng nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi và Nvụ liên quan ông Đinh Văn H (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Thị N) trình bày:.

Vào ngày 22/7/2019 ông đã biết bà Lê Thị N có điểm chỉ bà Lê Thị N (em ruột bà N) đến gặp bà Nguyễn Thị Y để vay tiền giữa bà Y và bà N hai người thỏa thuận với nhau, rồi bà Y và bà N giao tiền bạc với nhau, chứ bà N không có nhận tiền. Do đó bà Y yêu cầu bà N và ông có Nvụ liên đới trả cho bà Y số tiền gốc 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, yêu cầu trả một lần và yêu cầu tính lãi từ ngày 05/8/2020 cho đến ngày xét xử 25/3/2022 với lãi suất 0,83%/tháng là 24.485.000 đồng thì bà N và ông không đồng ý.

Còn về chữ ký tên của bà N thì nay theo Kết luận giám định lại số 706/C09B ngày 16/02/2022 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận là chữ ký của bà N thì ông và bà N đồng ý không có ý kiến gì về kết luận giám định này.

Ông có nhận được Biên bản xác minh ngày 20/5/2021 tại Công an xã MH về việc bà Lê Thị N không có mặt tại địa phương.

Về chi phí giám định bà N đã tạm nộp với số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và Nvụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguYđơn. Buộc bà Lê Thị Nvà ông Đình Văn Hphải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ysố tiền nợ gốc và lãi là 174.485.000 (Một trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: NguYđơn bà Nguyễn Thị Ytranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Lê Thị Ntheo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Hợp đồng vay tài sản giữa nguYđơn bà Nguyễn Thị Yvới bị đơn bà Lê Thị Nđược giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Lê Thị Nkhông thừa nhận số nợ 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng đối với bà Nguyễn Thị Yvà không thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ ngày 22/7/2019 âm lịch do bà Ycung cấp nhưng tại Kết luận giám định lại số 1508/C09B ngày 23/4/2021 và Kết luận giám định lại số 706/C09B ngày 16/02/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận chữ ký trong biên nhận nêu trên là do bà Nký ra nên theo quy định tại khoản 5 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Ycó chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà.

Xét yêu cầu tính lãi của bà Ylà có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặt khác tại trích lục kết hôn ngày 02/6/2021 do UBND xã An Thạnh trích lục thì bà Lê Thị Nvà ông Đình Văn Hlà vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do vậy khoản vay của bà Nphát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông Hphải có Nvụ liên đới với bà Nđể trả cho bà Ytoàn bộ số nợ gốc và lãi cho bà Y.

[4] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ylà có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Buộc bà Lê Thị N, ông Đình Văn Hphải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ysố tiền 174.485.000 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng: 7.300.000 (Bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng. Do yêu cầu của bà Yđược Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Nghĩa, ông Hphải có Nvụ liên đới nộp số tiền này. Do bà Yđã tạm nộp 4.300.000 đồng nên buộc bà Nvà ông Hphải có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Ysố tiền 4.300.000 đồng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà N, ông H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Buộc bà Lê Thị N, ông Đinh Văn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Y số tiền 174.485.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nghĩa, ông H có N vụ liên đới trả cho bà Y số tiền 4.300.000 (Bốn triệu ba trăm ngàn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nghĩa, ông H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Bà Nguyễn Thị Y được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0003145, ngày 01 tháng 10 năm 2020.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

